

Bản án số: 61/2020/HS-ST

Ngày: 08/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông K'Dung

Ông Trương Quốc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn Linh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa: Bà Trần Duy Hoàng Thao - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Hồng P; sinh năm 1983; tại: Hà Nam; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Duy T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Vương Thị Thúy N (đã ly hôn) và 02 người con, sinh năm 2010 và 2012; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2020. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Lâm Hà. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Chị Trần Thị Y, sinh năm: 1990.

Nơi ĐKKHKT: thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở: thôn x, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Trần Văn H, sinh năm: 1970. Có mặt.

+ Chị Lê Thị Y1, sinh năm: 1979. Có mặt.

Nơi cư trú: thôn H, xã N, huyện L, Lâm Đồng.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Đức L, sinh năm: 1971. Có mặt.

+ Chị Hồ Thị Thùy T, sinh năm: 1995. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hồng P và Trần Thị Y trước đây có quan hệ tình cảm và sống chung với nhau, trong thời gian này P có cho Y 01 chiếc nhẫn và 01 sợi dây chuyền bằng vàng, sau đó giữa P và Y nảy sinh mâu thuẫn tình cảm, không sống chung với nhau nữa.

Vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 03/4/2020 P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 49D1 – 539.35 của Y (Trước đó Y đưa cho P sử dụng) đến đoạn ngã ba đường cách xưởng ương tơ Hùng Hăng khoảng 200 mét thì gặp Hồ Thị Thùy T đang chở Y phía sau, P vẫy xe lại. Khi T dừng xe lại, P dùng xe mô tô chặn ngang đầu xe của T rồi yêu cầu Y xuống xe để nói chuyện nhưng Y không đồng ý, rồi giữa P và Y có cãi nhau qua lại thì Y nói T đi về trước. Trong lúc cãi nhau, P yêu cầu Y trả lại dây chuyền và nhẫn vàng mà P đã cho Y, nhưng Y không đồng ý. Sau đó Y đòi về phòng trọ nói chuyện nhưng P không đồng ý, P bế Y lên xe, ép Y ngồi phía trước còn P ngồi phía sau kẹp Y lại rồi chở đến quán cà phê Bốn Mùa để nói chuyện. Tuy nhiên, do Y cùng cầm tay lái điều khiển xe nên khi đến quán cà phê Bốn Mùa, P không rẽ vào quán được nên tiếp tục điều khiển xe đi được khoảng 50 mét thì Y bóp thắng xe dừng lại, P vẫn kẹp Y ngồi trên xe không cho xuống xe và cả hai tiếp tục cãi nhau, Y tụt người xuống dưới vị trí để chân để xuống xe nhưng bị P ôm ngang bụng Y xóc lên xe và dùng người ép Y về phía trước xe. Lúc này Y không cử động được thì P dùng tay kiểm tra túi áo khoác của Y, thấy túi bên phải có điện thoại thì kéo khóa mở túi ra lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, thấy trong túi còn có 01 P bì màu trắng biết P bì có tiền nên P cho P bì vào túi áo khoác phía trong bên trái, cất điện thoại vào túi quần bên phải đang mặc. P và Y tiếp tục giằng co nhau, Y đòi lại tài sản nhưng P yêu cầu Y trả lại nhẫn và dây chuyền thì sẽ trả lại, giằng co khoảng 30 phút thì P đưa chìa khóa xe cho Y. Y điều khiển xe về còn P đi bộ lên hướng ngã tư Đạo Nga – Nam Ban rồi rẽ vào đường bê tông hướng đi Đông Thanh, P mở P bì ra kiểm tra thấy bên trong có số tiền 11.340.000 lấy cất vào túi và vút P

bì bên lề đường, sau đó lấy điện thoại của mình gọi cho Nguyễn Đức L là bạn của P nhờ chở đi Đà Lạt. Sau khi L đến đón P thì cả hai vào nhà anh của L ăn cơm, sau đó P nói L chở đến nhà chị gái là Lê Thị Y1, chồng là Trần Văn H. Tại đây P đưa cho anh H 11.840.000đồng nói là tiền lương của P nhờ giữ giúp và đưa cho chị Y1 chiếc điện thoại đã chiếm đoạt của Y nói sặc pin giúp.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động Iphone 6splus màu hồng, số tiền 11.840.000 đồng. Ngày 17/7/2020, Cơ quan CSĐT đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus và số tiền 11.340.000đồng cho bị hại Trần Thị Yên, trả lại cho bị cáo số tiền 500.000đồng.

Ngày 17/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lâm Hà kết luận 01 điện thoại di động hiệu Apple, số loại Iphone 6S plus, loại 32GB, màu hồng có giá trị là 6.392.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 69/CT-VKS ngày 07/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà để xét xử các bị can Lê Hồng P về tội: “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, không khiếu nại hay thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Hồng P về tội: “Cướp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hồng P từ 36 đến 42 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Hà đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus và số tiền 11.340.000đồng cho bị hại Trần Thị Yên, trả lại cho bị cáo số tiền 500.000đồng. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và yêu cầu gì nên không đặt ra để xem xét, giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Hồng P đã khai nhận: bị cáo và bị hại là chị Trần Thị Y trước đây có mối quan hệ tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng. Trong thời gian chung sống bị cáo có tặng chị Y 01 chiếc nhẫn và 01 sợi dây chuyền. Sau đó, do bị cáo và chị Y nảy sinh mâu thuẫn không chung sống với nhau nữa nên bị cáo đòi lại chiếc nhẫn và sợi dây chuyền đã tặng cho chị Y nhưng chị Y không đồng ý thì bị cáo đã có hành vi bắt ép, khống chế làm chị Y lâm vào tình trạng không thể chống cự được và chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc điện thoại hiệu Iphone 6s plus và số tiền 11.340.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 17.732.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, tang vật thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Hồng P phạm tội: “*Cướp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý. Hậu quả việc làm của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời, còn tác động xấu đến tình hình trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ hành vi dùng vũ lực khống chế làm bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được và chiếm đoạt tài sản hợp pháp của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà mình đã thực hiện.

Xét nhân thân bị cáo là người dân lao động, chưa có tiền án, tiền sự, nhận thức pháp luật giản đơn, nhất thời phạm tội. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện. Động cơ, mục đích của việc bị cáo lấy điện thoại và tiền của chị Y là để chị Y trả lại dây chuyền và nhẫn cho bị cáo thì bị cáo sẽ trả lại toàn bộ tài sản cho chị Y chứ không phải vì mục đích vụ lợi. Lúc đầu khi bị cáo bắt ép chị Y lên xe không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của chị Y mà nhằm mục đích tìm địa điểm để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn tình cảm, trong quá trình di chuyển tìm địa điểm nói chuyện thì cả hai xảy ra mâu thuẫn nên dẫn đến việc bị cáo chiếm đoạt tài sản của chị Y. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã khắc phục hậu quả, chị Y đã nhận lại toàn bộ tài sản và có đơn bãi nại. Đồng thời, tại phiên tòa,

bị hại xác định đã được gia đình bị cáo bồi thường đầy đủ và tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với anh Nguyễn Đức Lương được bị cáo nhờ chở đi gửi tiền mà bị cáo chiếm đoạt được cho anh Trần Văn Hiệp và gửi điện thoại cho chị Lê Thị Yến cất giữ. Anh Lương, anh Hiệp và chị Yến không biết tài sản bị cáo có được do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[3] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính ra, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đã ly hôn vợ và nuôi hai con nhỏ nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho chị Ytoàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, tại phiên tòa hôm nay chị Ykhông yêu cầu hay thắc mắc gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ 01 điện thoại di động Iphone 6splus màu hồng, số tiền 11.840.000 đồng (gồm 11.340.000đồng của chị Yvà 500.000đồng của bị cáo). Ngày 17/7/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus và số tiền 11.340.000đồng cho bị hại Trần Thị Yên, trả lại cho bị cáo số tiền 500.000đồng. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Hà trả lại tài sản cho chị Yvà bị cáo là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, chị Yvà bị cáo không có ý kiến và yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. TuYbổ bị cáo Lê Hồng P phạm tội: “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Hồng P 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ 03/4/2020.

2. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuYán sơ thẩm (08/9/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKS, CA huyện Lâm Hà;
- Thi hành án huyện Lâm Hà;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Lâm Hà;
- Bị cáo; Dương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết

